

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2022
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Em;
2. Ông Nguyễn Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:

Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Trúc P, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Lương Văn T1, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị P, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc P trình bày:

Chị Trần Thị Trúc P và anh Lương Văn T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2007. Chị P, anh T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N năm 2008. Sau khi cưới, anh T1, chị P sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng hay gây gổ, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Anh T1 không quan tâm đến vợ con, thường xuyên mắng chửi, đánh đập chị P. Anh chị nhiều lần

tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa nhưng không tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, anh T1 không còn chung sống với chị P. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay, chị P xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: chị P, anh T1 có 02 con chung tên là Lương Thị Trúc L, sinh ngày 02/01/2008 và Lương Đan K, sinh ngày 08/10/2011. Hiện nay, cháu L và K đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị P bận đi làm nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh T1 vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2021, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Trúc P.

Về con chung: Lương Thị Trúc L, sinh ngày 02/01/2008 và Lương Đan K, sinh ngày 08/10/2011, sau khi ly hôn chị P trực tiếp nuôi con chung; anh T1 không cấp dưỡng do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 30/6/2021, chị Trần Thị Trúc P khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T1. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp

về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu ly hôn của chị P:

Chị P, anh T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/4/2008. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị hay gây gổ, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Anh T1 không quan tâm đến vợ con, thường xuyên mắng chửi, đánh đập chị P. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa nhưng không tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị P, anh T1 đã ly thân. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị P xác định không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh T1 không còn tha thiết và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị P nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh T1, chị P có 02 con chung là Lương Thị Trúc L, sinh ngày 02/01/2008 và Lương Đan K, sinh ngày 08/10/2011. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Đối với yêu cầu này của chị P, anh T1 vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án căn cứ trên những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án để xem xét. Theo chị P, từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, K và lo cho các cháu chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu; hai cháu L, K cũng có mong muốn sống với chị P nên cần giao cháu L và K cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị P không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị P có quyền yêu cầu anh T1 cấp dưỡng

nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị P không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc P xin ly hôn đối với anh Lương Văn T1;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc P với anh Lương Văn T1.

* Về nuôi con chung: giao 02 (hai) con chung là Lương Thị Trúc L, sinh ngày 02/01/2008 và Lương Đan K, sinh ngày 08/10/2011 cho chị Trần Thị Trúc P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Trần Thị Trúc P không yêu cầu anh Lương Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lương Văn T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Trúc P không yêu cầu anh Lương Văn T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Trần Thị Trúc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002290 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung